

Trong những năm qua, nguồn tín dụng ngân hàng đóng một vai trò không nhỏ trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, giúp cho “bộ mặt” nông thôn ngày càng thay đổi, kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng mới, tỷ lệ hộ nghèo đói đã giảm xuống, đời sống của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt... Bài viết đánh giá những kết quả đạt được, cũng như những hạn chế của chính sách tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn từ năm 2010 đến nay, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

1. Các kết quả đạt được

1.1. Kết quả cho vay nông nghiệp, nông thôn theo cơ chế thương mại

Thứ nhất, số lượng các tổ chức tín dụng (TCTD) tham gia cho vay nông nghiệp, nông thôn ngày càng tăng. Trước năm 2010 chỉ có Agribank đóng vai trò chính trong việc cấp tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn (Theo Quyết định 67/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), nhưng sau đó Nghị định 41/2010/NĐ-CP ra đời cho phép các TCTD, các tổ chức tài chính quy mô nhỏ, các ngân hàng, các tổ chức tài chính của Chính phủ đều có quyền tham

* Khoa Ngân hàng - Học viện Ngân hàng

DÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG NGÂN HÀNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

ThS. Nguyễn Thành Nam *

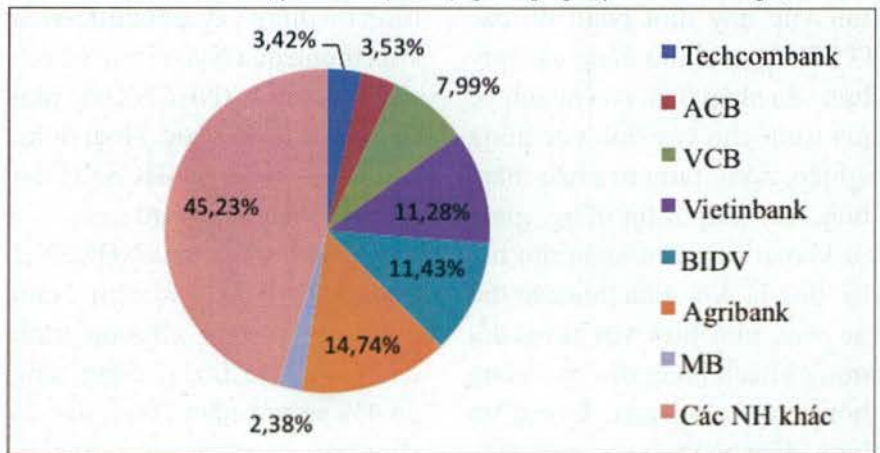
gia cho vay nông nghiệp, nông thôn. Thậm chí, trong Nghị định 55/2015/NĐ-CP còn cho phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam cũng có thể tham gia cho vay. Mặc dù vậy, Agribank vẫn là ngân hàng có tỷ trọng dư nợ cho vay cao nhất, tính đến tháng 1/2014, dư nợ cho vay lĩnh vực này của Agribank chiếm 70% tổng dư nợ, và chiếm 14,74% thị phần (Biểu đồ 1.1).

Thứ hai, dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn liên tục tăng mạnh.

Giai đoạn 2006 - 2011, dư nợ tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn liên tục tăng trưởng qua các năm với tốc độ tăng bình quân gần 24%/năm

mỗi năm. Đặc biệt, dư nợ tín dụng tăng mạnh sau khi Nghị định 41/2010 của Chính phủ được ban hành, năm 2010, cho vay nông nghiệp nông thôn đạt 381.850 tỷ đồng, tăng 30,41% so với năm 2009 và tăng 2,4 lần so với dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của năm 2006. Đến năm 2014, dư nợ cho vay tăng gấp gần 2 lần so với năm 2010, đạt hơn 744.100 tỷ đồng, và tính đến cuối tháng 9/2015 dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 815.361 tỷ đồng, tăng 9,5% so với 31/12/2014, tăng gần 1,64 lần so với cuối năm 2011 (Biểu đồ 1.2). Tính bình quân sau 5 năm thực hiện Nghị định 41, dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn tăng khoảng 20%, cao hơn

Biểu đồ 1.1: Thị phần dư nợ tín dụng nông nghiệp tính đến tháng 1/2014



Nguồn: Vietcombank

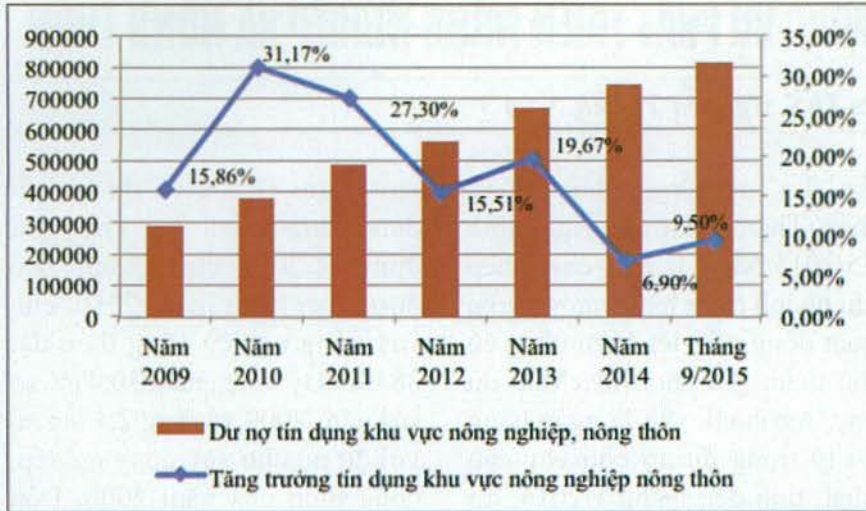
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Mang phần thịnh đến khách hàng

Chuyên mục này do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tài trợ

Biểu đồ 1.2.: Tăng trưởng tín dụng và dư nợ tín dụng khu vực nông nghiệp, nông thôn từ năm 2009 - tháng 9/2015



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

dư nợ cho vay các ngành nghề lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng nói chung của nền kinh tế gặp khó khăn, thì tốc độ tăng trưởng tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn 5 năm qua thể hiện nhiều nỗ lực lớn của ngành Ngân hàng.

Thứ ba, rủi ro trong cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn khá thấp. Lý do rủi ro thấp trong lĩnh vực này một phần do các TCTD đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, của ngành về quy trình cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn từ khâu thẩm định, quyết định tín dụng, giám sát khoản vay, đến khâu thu nợ, đặc biệt là đơn giản hóa các thủ tục vay, phù hợp với từng đối tượng khách hàng địa bàn nông thôn, chú trọng chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Ngoài ra, cho vay lĩnh vực này thường là các món vay nhỏ lẻ, ngân hàng không phải lo nợ xấu. Theo LienVietPostBank (là đơn vị có 60% dư nợ cho vay nông nghiệp (2012), và dự kiến tăng gấp đôi dư nợ trong các năm tiếp theo) nhận định: “Trong

bối cảnh kinh tế khó khăn, hàng tồn kho nhiều, nợ xấu tăng cao, thì đối tượng khách hàng nông nghiệp, nông thôn, nông dân là một kênh đầu tư an toàn, ổn định dù lợi nhuận có thể không bằng cho vay một số lĩnh vực khác”.

1.2. Kết quả cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội

Bên cạnh hoạt động cho vay nông nghiệp, nông thôn theo cơ chế tín dụng thương mại, chương trình tín dụng này còn được triển khai thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) phủ rộng khắp toàn quốc. Hoạt động cho vay qua kênh NHCSXH đạt được một số thành tựu sau:

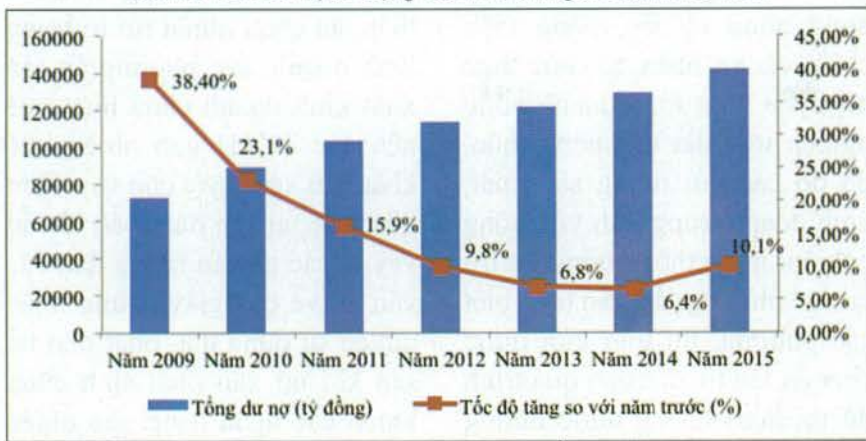
- Dư nợ cho vay của NHCSXH liên tục tăng qua các năm. Năm 2009, dư nợ các chương trình cho vay đạt 72.660 tỷ đồng, tăng 38,4% so với năm 2008, tốc độ tăng này có phần giảm nhẹ so với tốc độ tăng giai đoạn 2002 - 2008, với mức tăng bình quân khoảng 40%/năm. Từ năm 2010 đến năm 2014 tổng dư nợ vẫn tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng không nhiều và có xu hướng giảm xuống, tăng bình quân đạt 12,4% (Biểu đồ 1.3). Năm 2014,

con số dư nợ 129.456 tỷ đồng, tăng gần 1,5 lần so với năm 2010. Tuy nhiên, sang năm 2015 tổng dư nợ của NHCSXH tăng mạnh lên tới 142.528 tỷ đồng. Trong đó vốn tập trung cho các đối tượng như cho vay hộ nghèo 35.457 tỷ đồng (chiếm 24,9% tổng dư nợ), cho vay hộ cận nghèo 27.147 tỷ đồng (chiếm 19%), cho vay hộ mới thoát nghèo 3.501 tỷ đồng (chiếm 2,5%), cho vay học sinh sinh viên 24.456 tỷ đồng (chiếm 17,2%) và một số chương trình chính sách khác.

- Chất lượng tín dụng luôn được chú trọng và không ngừng được cải thiện. NHCSXH đã triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Hội như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên thông qua hoạt động ủy thác nhằm kiểm soát tốt tín dụng. Việc ủy thác thông qua các tổ chức chính trị - xã hội dưới sự quản lý, giám sát của cấp ủy, chính quyền các địa phương đã giúp cho nguồn vốn chính sách “hướng đến” đúng đối tượng. Vì vậy, mặc dù năm 2014 dư nợ cho vay ở mức cao hơn 129.000 tỷ đồng, nhưng nợ quá hạn chỉ chiếm 0,41% tổng dư nợ, nợ khoanh chiếm 0,47% tổng dư nợ. Năm 2015, tổng dư nợ đạt gần 143 nghìn tỷ đồng, nhưng tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh chỉ chiếm 0,78% tổng dư nợ. Cho đến nay, cả nước có hơn 15% số xã không có nợ quá hạn, nhiều huyện không có nợ quá hạn, nhiều tỉnh nợ quá hạn chỉ ở mức 0,01%.

- Tín dụng chính sách đã góp phần tích cực trong việc giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông

Biểu đồ 1.3.: Dư nợ tín dụng của NHCSXH giai đoạn 2009-2015



Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội

thôn mới. Tính đến 31/12/2015, NHCSXH đã cho vay 27,9 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách, giúp cho gần 4 triệu hộ thoát khỏi ngưỡng nghèo, tạo việc làm cho hơn 3 triệu lao động, khoảng hơn 3,4 triệu lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập, xây dựng trên 7,6 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn, gần 490 nghìn căn nhà cho hộ nghèo và các hộ gia đình chính sách, gần 105 nghìn căn nhà cho hộ gia đình vượt lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long; gần 107 nghìn lao động thuộc gia đình chính sách được vay vốn đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài. Tín dụng chính sách đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của cả nước từ 17% (năm 2001), xuống còn 4,5%, vào cuối năm 2015.

1.3. Kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới

Theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 của Ban Bí thư về chương trình

xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Và dựa trên Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, NHNN đã tiến hành xây dựng chương trình kế hoạch cho vay mô hình nông thôn mới thí điểm tại 11 xã trên toàn quốc (bắt đầu từ tháng 1/2010 và kết thúc vào tháng 11/2011). Trong 2 năm triển khai chương trình này, doanh số cho vay tại 11 xã đã đạt 1.347 tỷ đồng, dư nợ cho vay tính đến cuối tháng 11/2011 là 631,4 tỷ đồng.

Từ tháng 4/2012, NHNN đã thực hiện cho vay mô hình nông thôn mới trong phạm vi toàn quốc. Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, giai đoạn 2012 - 2015, đã có 49 TCTD tham gia hỗ trợ 44 tỉnh, thành phố, 32 huyện và 149 xã xây dựng nông thôn mới để xây dựng cơ sở y tế, trường học, văn hóa; mua sắm các trang thiết bị y tế, thiết bị dạy học, hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Điển hình như Vietinbank đang

ký hỗ trợ 38 tỉnh, 10 huyện về xây dựng nhà ở, xây trường học, cầu giao thông nông thôn, hỗ trợ y tế, nước sinh hoạt phục vụ dân cư nông thôn; Agribank nhận hỗ trợ 70 xã xây dựng nông thôn mới với nội dung xây trạm y tế xã, hệ thống nước sạch, trường mầm non, giao thông thủy lợi, sinh hoạt cộng đồng; BIDV đăng ký hỗ trợ y tế, nhà tình nghĩa, trường học, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cho người nghèo tại 9 huyện, 6 xã xây dựng nông thôn mới; Vietcombank nhận hỗ trợ một số nội dung theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Tại 3 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình mà NHNN đăng ký theo dõi việc triển khai xây dựng nông thôn mới theo phân công của Ban chỉ đạo Trung ương, đến cuối năm 2013, có 5 TCTD thực hiện hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, trong năm 2012, NHNN đã phối hợp với Ban chỉ đạo Tây Bắc triển khai chương trình hỗ trợ 1000 ngôi nhà cho người nghèo tại các tỉnh vùng Tây Bắc với tổng giá trị 30 tỷ đồng. Tháng 4/2013, tại Hội nghị xúc tiến đầu tư và an sinh xã hội khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, ngành Ngân hàng đăng ký hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn, đồng bào thiểu số về y tế, giáo dục, hỗ trợ giảm nghèo với số tiền 500 tỷ đồng (Tây Bắc) và 207 tỷ đồng (Tây Nguyên).

Nhờ những nỗ lực của ngành Ngân hàng, việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới đã thu được những kết quả tích cực. Theo số liệu của NHNN, tính đến hết năm 2015, dư nợ cho vay các xã trên toàn quốc đạt 610.000 tỷ đồng, với 8,25 triệu khách hàng đang dư nợ. Tính chung giai

đoạn 2011 - 2015, dư nợ cho vay tăng thêm các xã trên toàn quốc khoảng 387.557 tỷ đồng, chiếm 41,6% tổng số vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ngoài việc cấp tín dụng, các ngân hàng còn tài trợ vốn không hoàn lại cho các xã phục vụ xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống nước sạch, trường học, y tế, xóa nhà tạm cho hộ nghèo, xây hồ chứa nước sạch cho đồng bào vùng cao,... với tổng số tiền 3.864 tỷ đồng (đến tháng 9/2015).

2. Một số hạn chế

Một là, quy mô nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với nhu cầu thực tế. Theo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình (VARHS) giai đoạn 2006 - 2012, có 50% hộ nông dân được khảo sát có vay nợ, 60% trong số đó ghi nhận có vay ngân hàng, nhưng chỉ chiếm 13,6% tổng khối lượng vay. Nguồn vốn cho vay còn hạn chế có thể kể đến hai nguyên nhân:

(i) Khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng bởi một số quy định của cơ chế tín dụng. Cụ thể, theo các Quyết định 63,65/QĐ-CP của Chính phủ thì nông dân mua máy móc phục vụ nông nghiệp có tỷ lệ nội địa hóa trên 60% mới được ngân hàng cấp khoản vay, nhưng nhiều nông dân không mua máy móc sản xuất trong nước nên dư nợ cho vay phục vụ mua sắm máy móc chỉ khoảng 500 tỷ đồng. Ngoài ra, theo Nghị định 41/NĐ-CP và Thông tư 14/NHNN đối tượng và phạm vi áp dụng

được hưởng chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn chỉ là các cá nhân, tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn nông thôn, do đó các đối tượng sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhưng cư trú tại các phường, thị trấn (đặc biệt các phường, thị trấn mới được chuyển lên từ xã trong quá trình đô thị hóa) không được hưởng chính sách này. Phải đến Nghị định 55/NĐ-CP thay thế Nghị định 41 mới cho phép mở rộng thêm các đối tượng này. Bên cạnh đó, cũng trong Nghị định 41, mà sau này là Nghị định 55 quy định các khách hàng lĩnh vực nông nghiệp nông thôn có thể được vay vốn tại các TCTD không cần tài sản đảm bảo, nhưng lại quy định thêm các đối tượng này cần phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi làm thủ tục vay vốn, nghĩa là đối tượng khách hàng muốn được vay vốn vẫn phải có tài sản đảm bảo. Mặt khác, đối với các đối tượng có ruộng đất nhưng lại bị chậm trễ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khó khăn trong tiếp cận vốn ngân hàng.

(ii) Do khả năng huy động vốn tại chỗ của các TCTD trên địa bàn nông thôn còn hạn chế, chỉ đạt 45 - 60% cho nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, còn lại các TCTD phải nhận vốn điều hòa từ trụ sở chính hoặc các chi nhánh khác nên các TCTD sẽ không chủ động về nguồn vốn, cơ cấu thời hạn vay để đáp ứng kịp thời chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng.

Hai là, một số TCTD còn quan ngại cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Do đây là

khu vực có khả năng sinh lời thấp, ẩn chứa nhiều rủi ro trong kinh doanh, các phương án sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả nên các TCTD gặp nhiều khó khăn khi xét duyệt cho vay. Hơn nữa, các tài sản đảm bảo khoản vay là các tài sản ruộng đất, các vấn đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phát mại tài sản khi nợ xấu phát sinh cũng khiến các ngân hàng gặp nhiều rắc rối. Cuối cùng, các món vay cho lĩnh vực này thường là nhỏ lẻ, chi phí hoạt động tín dụng của TCTD sẽ cao. Do vậy, các TCTD thường không “mặn mà” cấp tín dụng trong nông nghiệp, nông thôn, mà chủ yếu chỉ tập trung cho vay vào giai đoạn giữa và cuối của chu kỳ sản xuất kinh doanh (khâu thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm).

Ba là, bảo hiểm chưa thực sự là công cụ đắc lực phòng ngừa rủi ro cho khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Điều này là bởi vì bảo hiểm nông nghiệp chưa phát triển, mới được triển khai thí điểm tại một số tỉnh. Chính phủ đã giao Bộ Tài chính kết hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) thực hiện thí điểm tại 20 tỉnh, 7 nhóm sản phẩm nông nghiệp kể cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản... với giá trị được bảo hiểm trên 200.000 tỷ đồng, và hỗ trợ kịp thời các hộ nghèo, cận nghèo. Tuy nhiên, đây là chính sách mới, còn gây lúng túng trong việc áp dụng cho cả cơ quan quản lý nhà nước, công ty bảo hiểm và nông dân. Điển hình tháng 4/2013, hoạt động bảo hiểm tôm nước lợ tại Sóc Trăng và Cà Mau đã xảy ra mâu thuẫn khi công ty bán bảo hiểm nông nghiệp ngưng

bán bảo hiểm cho nông dân nuôi tôm, vì vậy, nông dân đã kéo tới văn phòng công ty bảo hiểm để đòi quyền lợi. Một nguyên nhân khác nữa là các tổ chức bảo hiểm không muốn bảo hiểm cho lĩnh vực nông nghiệp vì có nhiều rủi ro trong nông nghiệp từ hạn hán, thiên tai, dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp bảo hiểm như công ty Bảo Việt “kêu” bị thua lỗ do tiền bồi thường quá lớn, vượt nhiều so với doanh thu từ phí bảo hiểm, thậm chí theo họ thì nhiều nông dân còn tìm cách trục lợi qua bồi thường bảo hiểm bằng cách móc nối với các đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp, thức ăn thủy sản để “làm đẹp” hồ sơ yêu cầu bồi thường rủi ro.

3. Một số kiến nghị

Với những nỗ lực của NHNN và các TCTD trong việc triển khai các chính sách tín dụng hướng nguồn vốn vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, nhìn thực tế cho thấy chính sách tín dụng trong lĩnh vực này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp nghiên cứu hoàn thiện về cơ chế, chính sách liên quan. Cụ thể:

Hoàn thiện và sửa đổi các quy định của pháp luật liên quan tới tín dụng nông nghiệp, nông thôn

NHNN và Chính phủ cần nhanh chóng nghiên cứu, sửa đổi những bất cập trong Nghị định 55 về quy định khách hàng được phép vay không có tài sản đảm bảo nhưng phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Có chính sách hỗ trợ về nguồn vốn, lãi suất ưu đãi để hỗ trợ các đối tượng trong lĩnh vực nông

nghiệp, nông thôn được tiếp cận vốn với chi phí hợp lý. Ngoài ra, các Bộ NNPTNT và Bộ Công thương nghiên cứu, phối kết hợp điều chỉnh lại quy định về tỷ lệ nội địa hóa máy móc 60% tại các Quyết định số 63, số 65 để nông dân được vay vốn mua máy móc như ý muốn. NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh chi đạo Sở Tài nguyên môi trường và các ban ngành liên quan nhanh chóng giải quyết các vấn đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình để họ hoàn thiện thủ tục vay vốn và nhanh chóng tiếp cận được nguồn vốn.

NHNN cần khuyến khích các TCTD tham gia nhiều hơn vào cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn bằng các chính sách giảm dự trữ bắt buộc, tăng cường tái cấp vốn cho các TCTD tham gia cho vay trong lĩnh vực này, kể cả tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn của họ còn thấp. Đối với các TCTD đã và đang thực hiện cho vay lĩnh vực này, NHNN nên tiếp tục chỉ đạo các TCTD này đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, điều chỉnh linh hoạt các điều kiện cho vay, điều kiện về tài sản thế chấp phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp ở từng địa phương. Bên cạnh đó, chỉ đạo các TCTD này cần tăng cường tiếp cận các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp, phối hợp với các Ban, ngành, đoàn thể tại địa phương lựa chọn các mô hình sản xuất có hiệu quả để cho vay, kiểm soát vay và thu nợ, gắn đầu tư tín dụng với việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, đặc biệt đối với các

xã trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

Chính phủ cần có biện pháp phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp. Đây là thị trường dễ gặp rủi ro do những biến động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, mức phí bảo hiểm nông nghiệp thì không cao, trong khi phải bồi thường thiệt hại rất nhiều mỗi khi các biến động khách quan không mong muốn xảy ra, chưa kể đến nhiều nông dân cố tình “trục lợi” từ bảo hiểm. Chính vì vậy, để phát triển thị trường bảo hiểm, khuyến khích các tổ chức bảo hiểm tham gia lĩnh vực nông nghiệp nhiều hơn cũng như giúp nông dân yên tâm đầu tư sản xuất ổn định và lâu dài thì Chính phủ phải có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm như giảm thuế, cấp bù lỗ và bảo hiểm lãi suất cho vay nông nghiệp đối với một số sản phẩm, hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro cho nông dân... ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- PGS., TS. Lê Thị Tuấn Nghĩa, ThS. Phạm Mạnh Hùng (2015), “Tín dụng ngân hàng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn - thực trạng và một số khuyến nghị”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng số 154.
- TS. Nguyễn Minh Phong (2013), “Những đột phá cần có về tín dụng cho nông nghiệp”, nguồn từ <http://haiphong.gov.vn>.
- Ths. Nguyễn Thị Hiền (2013), “Hoạt động tín dụng thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn Việt Nam”, Tạp chí Công nghệ ngân hàng.
- Nguyễn Việt Mạnh (2014), “Tín dụng chính sách trong công tác giảm nghèo bền vững tại Việt Nam”, VSP news.
- Báo cáo thường niên của Ngân hàng chính sách xã hội 2010, 2011, 2012, 2013.
- Hồng Anh (2015), “Chính sách tín dụng mới phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”, Báo Nhân dân điện tử.
- Ngân hàng Nhà nước (2012), Báo cáo công tác triển khai chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của Ngành ngân hàng và tình hình thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Ngân hàng Nhà nước (2014), Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6.
- Các Nghị định, Quyết định của Chính phủ, các Quyết định, Thông tư, văn bản của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội.